



TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - BẮC NINH

인민법원 - 박닌성 제 2 구

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

베트남 사회주의 공화국
독립 – 자유 – 행복

Bản án số 판결문 제:
105/2026/HNGĐ-ST
Ngày 일자: 20-7-2026
V/v Ly hôn
v/v 이혼

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - BẮC NINH

베트남 사회주의 공화국의 국가를 대표하여

박닌성 제 2 지역 인민법원

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

제 1 심 재판부의 구성:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà 재판장 판사: Bà Đỗ Thị Tuyết
도티두엣씨

Các Hội thẩm nhân dân 인민참석원들:

Ông Nguyễn Hữu Hoà 응웬 후 화 씨

Ông Thân Văn Nhân 탄반난 씨

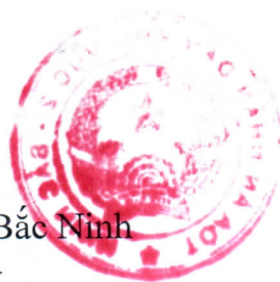
- Thư ký phiên toà 재판서기: Bà Chu Thị Minh Nguyệt 주 티 민
응우엣씨 - Thư ký Tòa án khu vực 2 - Bắc Ninh 여사 - 박닌성 제 2 지역
인민법원 재판서기

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh 박닌성
제 2 지역 인민검찰원 대표: Ông Đặng Đức Hùng 당 득 흥 - Kiểm sát
viên 검사

Ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc
Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2025/TLST-HNGĐ ngày 22
tháng 8 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73
ngày 18/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Bắc Ninh giữa các đương sự:

2026 년 7 월 20 일, 박닌성 제 2 지역 인민법원은 법원 청사에서
2025 년 8 월 22 일 접수된 사건번호 62/2025/TLST-HNGĐ 의 “이혼” 사건에
대하여 공개 제 1 심 재판을 진행하였다. 이는 박닌성 제 2 지역 인민법원의
2026 년 5 월 18 일자 제 73 호 사건 심리 개시 결정에 따른 것이며, 당사자는
다음과 같다.

- Nguyên đơn 원고: Chị Dương Thuý Trang 원고인 즈엉 투이 쩡 씨



sinh ngày 13/02/1992 (có mặt)

생년월일: 1992 년 2 월 13 일 (출석)

HKTT: Thôn Tân Thành, xã Nam Dương, tỉnh Bắc Ninh

주민등록상 주소: 박닌성 남즈엉사 편타인촌

Nơi ở hiện nay: tổ dân phố My Điền 2, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh

현재 거주지: 박닌성 네인동 미디엔 2 동

Căn cước công dân: 024198006762

시민신분증 번호: 024198006762

- Bị đơn: Anh Song Mingue,

피고: 송민규 씨,

sinh ngày 06/01/1973 (vắng mặt)

생년월일: 1973 년 1 월 6 일 (불출석)

Nơi cư trú: 193 Dogok-dong, Gangnam-gu, Seoul, Korea (Hàn Quốc)

거주지: 대한민국 서울특별시 강남구 도곡동 193

Hộ chiếu: M48708734

여권번호: M48708734

NỘI DUNG VỤ ÁN:

사건의 내용:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai chị Dương Thuỳ Trang là nguyên đơn trình bày: 이혼청구서 및 본인 진술서에서 원고인 즈엉 투이짱(Dương Thuỳ Trang) 씨는 다음과 같이 진술하였다.

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Song Mingue được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 07/02/2024 tại UBND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Hôn nhân quan hệ về: 결혼 전 원고와 송민규(Song Mingue) 씨는 서로 자유롭게 교제하고 알아가는 시간을 가진 후 혼인에 이르렀습니다. 결혼 당시 양가 가족은 현지의 전통 관습에 따라 결혼식을 거행하였으며, 2024 년 2 월 7 일 베트남 박장성 록응언현 인민위원회(UBND huyện Lục Ngạn)에서 혼인신고를 하였습니다.

Sau khi kết hôn, chị sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn Tân Thành, xã Nam Dương, tỉnh Bắc Ninh. Anh Song Mingue thì đi đi lại lại giữa hai nước Việt Nam và Hàn Quốc. 결혼 후 원고는 박닌성 남즈엉사(xã Nam Dương), 편타인마을(thôn Tân Thành)에 있는 친정 부모님의 집에서 생활하였습니다. 한편 송민규(Song Mingue) 씨는 베트남과 대한민국 양국을 오가며 생활하였습니다.

Vài tháng đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, nhưng càng về sau thì càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bất đồng ngôn ngữ và mâu thuẫn trầm trọng trong việc anh

Song Mingue không làm thủ tục để đưa chị sang Hàn Quốc chung sống cùng anh Song Mingue. Đến cuối tháng 6/2024 anh Song Mingue về Hàn Quốc, cắt đứt mọi liên lạc với chị, chị không thể nào liên lạc với anh Song Mingue được nữa và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. 결혼 후 몇 개월 동안은 부부생활이 행복하였으나, 시간이 지날수록 부부 사이에 여러 가지 갈등이 발생하였습니다. 그 원인은 부부가 서로 생활방식과 가치관에 대한 의견이 달랐고, 언어의 차이로 의사소통에 어려움이 있었으며, 특히 송민규 씨가 원고를 대한민국으로 데려와 함께 생활하기 위한 절차를 진행하지 않은 문제로 인해 부부 사이에 심각한 갈등이 발생하였기 때문입니다.

2024년 6월 말경 송민규 씨가 대한민국으로 돌아간 후 원고와의 모든 연락을 끊었으며, 원고는 더 이상 송민규 씨와 연락할 수 없게 되었습니다. 그때부터 현재까지 원고와 송민규 씨는 별거 상태로 지내고 있습니다.

Chính vì cuộc sống vợ chồng xa cách nên không còn quan tâm đến nhau cũng như không còn nói chuyện với nhau nhiều như trước. Mặc dù đã cố gắng để hoà giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai bên gia đình cũng đã nhiều lần can thiệp nhưng mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Song Mingue.

부부가 서로 떨어져 생활하게 되면서 서로에 대한 관심이 줄어들었고, 이전과 같이 자주 대화를 나누지도 않게 되었습니다. 원고는 부부관계를 화해하고 회복하기 위해 노력하였으며, 양가 가족들도 여러 차례 개입하여 화해를 도모하였으나, 혼인의 목적을 달성하지 못하였고 부부 간의 갈등은 점점 더 심각해졌습니다.

현재 원고는 부부 간의 애정이 더 이상 남아 있지 않다고 판단하고 있으며, 이에 법원에 송민규(Song Mingue) 씨와의 이혼을 허가하여 줄 것을 요청합니다.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

공동 자녀에 관하여: 공동 자녀는 없으며, 이에 대하여 법원에 별도의 판단이나 해결을 요청하지 않습니다

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

공동재산 및 공동채무에 관하여: 공동재산 및 공동채무는 없으며, 이에 대하여 법원에 별도의 판단이나 해결을 요청하지 않습니다.

Bị đơn anh Song Mingue: Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh có văn bản ủy thác gửi Bộ tư pháp để ủy thác cho cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc tiến hành ủy thác thông báo về việc thụ lý vụ án số 62/2025/TBTL-TA ngày 22/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh cho anh Song Mingue. 피고인 송민규(Song Mingue) 씨에 관하여: 박닌성 제 2 지역 인민법원은 대한민국의 관할 기관에 국제사법공조를 요청하여 피고인

송민규 씨에게 박닌성 제 2 지역 인민법원이 2025 년 8 월 22 일 작성한 사건 접수 통지서 제 62/2025/TBTL-TA 호의 내용을 통지하도록 법무부에 사법공조를 의뢰하였습니다.

Ngày 23/6/2026, Bộ tư pháp có Văn bản số 1961/BTP – PLQT&GQTCĐTQT thông báo về việc Cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc không thực hiện được ủy thác nêu trên do địa chỉ không chính xác. Sau khi nhận được kết quả trả lời của Bộ Tư pháp. Tòa án đã có văn bản yêu cầu chị Trang cung cấp cho Tòa án địa chỉ mới của bị đơn. Cùng ngày, chị Trang có ý kiến trình bày chị không cung cấp được địa chỉ nào khác của anh Song Mingue tại Hàn Quốc. Chị đề nghị Tòa án đăng thông tin về thời gian giải quyết vụ án trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã đăng thông tin về thời gian giải quyết vụ án trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh và gửi công văn yêu cầu Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc đăng thông tin về thời gian giải quyết vụ án trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Hàn Quốc. Từ khi đăng thông tin đến nay, Tòa án không nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh Song Mingue.

2026 년 6 월 23 일, 베트남 법무부는 문서번호 제 1961/BTP-PLQT&GQTCĐTQT 호를 통해 대한민국의 관할 기관이 피고인의 주소가 정확하지 않아 위 사법공조 요청을 이행하지 못하였음을 통보하였습니다.

법무부로부터 위와 같은 회신을 받은 후, 법원은 원고인 즈엉 투이 짱 씨에게 피고인의 새로운 주소를 법원에 제공할 것을 요청하는 문서를 발송하였습니다. 같은 날, 즈엉 투이 짱 씨는 대한민국 내 송민규 씨의 다른 주소를 제공할 수 없다는 취지의 의견을 제출하였습니다.

또한 원고는 법원에 베트남 주대한민국대사관의 전자정보포털 및 박닌성 인민법원의 전자정보포털에 사건의 심리·해결 일정에 관한 정보를 게시하여 줄 것을 요청하였습니다.

이에 박닌성 인민법원은 박닌성 인민법원의 전자정보포털에 사건의 심리·해결 일정에 관한 정보를 게시하고, 주대한민국 베트남대사관에 대한민국 내 베트남 사회주의공화국 대표기관의 전자정보포털에 사건의 심리·해결 일정에 관한 정보를 게시하여 줄 것을 요청하는 공문을 발송하였습니다.

위 정보가 게시된 이후 현재까지 법원은 송민규 씨로부터 어떠한 의견서도 제출받지 못하였습니다.

Tại phiên toà chị Dương Thuỳ Trang giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh Song Mingue.

재판에서 원고인 즈엉 투이 쩡(Dương Thuỳ Trang) 씨는 소장을 통한 청구를 그대로 유지하면서, 피고인 송민규(Song Mingue) 씨와의 이혼을 허가하여 줄 것을 법원에 요청하였습니다.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn ông Song Mingue, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục như ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật nhưng anh Song Mingue vẫn vắng mặt không có lý do.

박닌성 제 2 지역 인민검찰원 대표는 법률 준수 여부에 관하여 다음과 같이 의견을 진술하였습니다. 사건 접수부터 재판에 이르기까지 재판관, 재판부 및 법원 서기는 민사소송법의 관련 규정을 적법하게 준수하였습니다. 원고는 민사소송법에서 규정한 자신의 소송상 권리와 의무를 적절히 이행하였습니다. 피고인 송민규 씨에 대하여 법원은 법률이 정한 절차에 따라 사법공조 요청 등 필요한 모든 절차를 적법하게 진행하였으나, 송민규 씨는 정당한 사유 없이 여전히 재판에 출석하지 않았습니다.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Dương Thuỳ Trang. Xử cho chị Dương Thuỳ Trang được ly hôn anh Song Mingue. Chị Trang phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

본안에 관하여: 재판부는 원고인 즈엉 투이 쩡(Dương Thuỳ Trang) 씨의 청구를 받아들여, 즈엉 투이 쩡 씨가 피고인 송민규(Song Mingue) 씨와 이혼할 수 있도록 판결하여 주시기 바랍니다. 즈엉 투이 쩡 씨는 법률의 규정에 따라 제 1 심 이혼소송 인지대 및 사법공조 수수료를 부담하여야 합니다.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN: 법원의 판단:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

재판부는 변론기일에 공개된 사건기록에 포함된 자료와 인민검찰원 대표의 의견을 종합하여 검토한 후 다음과 같이 판단합니다.

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Dương Thuỳ Trang có địa chỉ tại tổ dân phố My Điền 2, phường Nénh, tỉnh Bắc Ninh khởi kiện xin ly hôn bị đơn anh Song Mingue là người nước ngoài và sinh sống tại nước ngoài (Hàn Quốc). Do đó, đây là vụ án “Ly hôn” có một bên đương sự là người nước ngoài, sinh sống và làm việc ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1]. 관할권 및 분쟁의 법률관계에 관하여: 원고인 즈엉 투이 짱(Dương Thùy Trang) 씨는 박닌성 네인(Nénh)동 미디엔 2(My Điền 2) 도시구역에 주소를 두고 있으며, 외국인이자 외국(대한민국)에 거주하고 있는 피고인 송민규(Song Mingue) 씨를 상대로 이혼을 청구하였습니다. 따라서 본 사건은 당사자 일방이 외국인으로서 외국에 거주하고 근무하고 있는 「이혼」 사건에 해당하며, 민사소송법 제 28 조 제 1 항, 제 35 조 및 제 470 조 제 1 항 제 b 호의 규정에 따라 박닌성 제 2 지역 인민법원이 해결할 관할권을 가집니다.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Song Mingue vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Song Mingue vẫn vắng mặt không có lý do cũng như không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh. Vì vậy, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 474, điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh Song Mingue.

[2]. 당사자의 불출석에 관하여: 피고인 송민규(Song Mingue) 씨는 재판에 불출석하였습니다. 법원은 민사소송법의 규정에 따라 사법공조를 통하여 소송서류를 송달하고 소송절차에 관한 각종 문서를 통지하는 절차를 진행하였으나, 송민규 씨는 정당한 사유 없이 여전히 불출석하였으며, 박닌성 제 2 지역 인민법원에 어떠한 의견서도 제출하지 않았습니다.

따라서 민사소송법 제 474 조 제 2 항 및 제 3 항, 제 477 조 제 6 항 제 c 호의 규정에 근거하여, 법원은 송민규 씨의 불출석 상태에서 재판을 진행합니다.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thùy Trang và anh Song Mingue có đăng ký kết hôn tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (nay là tỉnh Bắc Ninh) ngày 07/02/2024. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3]. 혼인관계에 관하여: 원고인 즈엉 투이 짱(Dương Thùy Trang) 씨와 피고인 송민규(Song Mingue) 씨는 2024 년 2 월 7 일 박장성 록응언현(현재 박닌성에 편입됨)에서 혼인신고를 하였습니다. 따라서 양 당사자의 혼인은 적법하게 성립된 혼인으로서 법률의 보호를 받습니다.

[4]. Về yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thùy Trang với anh Song Mingue: anh Song Mingue đã được Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh tổng đạt các giấy tờ hợp lệ nhưng vẫn không đến tham dự phiên tòa hoặc gửi văn bản, ý kiến cho Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định anh Song Mingue đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình trong vụ án này.

[4]. 즈엥 투이 짱(Dương Thuỳ Trang) 씨의 송민규(Song Mingue) 씨에 대한 이혼 청구에 관하여:

송민규 씨는 박닌성 제 2 지역 인민법원으로부터 적법한 소송서류를 송달받았음에도 불구하고 재판에 출석하지 않았으며, 박닌성 제 2 지역 인민법원에 어떠한 서면이나 의견도 제출하지 않았습니다. 따라서 재판부는 송민규 씨가 본 사건에서 자신의 소송상 권리와 의무를 포기한 것으로 판단합니다.

Chị Trang trình bày sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống một thời gian nhưng sau đó một thời gian do bất đồng về ngôn ngữ, văn hóa nên anh Song Mingue đã về Hàn Quốc sinh sống. Kể từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Do đó, Hội đồng xét xử thấy chị Trang và anh Song Mingue đã có thời gian dài không chung sống với nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, hiện tại chị Trang đang ở Việt Nam còn anh Song Mingue đang ở Hàn Quốc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trang, xử cho chị Trang được ly hôn anh Song Mingue là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

원고인 즈엥 투이 짱(Dương Thuỳ Trang) 씨는 혼인 후 일정 기간 동안 피고인 송민규(Song Mingue) 씨와 함께 생활하였으나, 이후 언어와 문화의 차이로 인한 갈등으로 송민규 씨가 대한민국으로 돌아가 생활하게 되었다고 진술하였습니다. 그 이후부터 부부는 더 이상 서로 연락하지 않았으며, 각자 별도의 생활을 하게 되었습니다.

따라서 재판부는 즈엥 투이 짱 씨와 송민규 씨가 장기간 함께 생활하지 않았고, 부부로서 서로 사랑하고 관심을 가지며 보살피고 협력하는 관계가 더 이상 유지되지 않아 혼인관계가 심각하게 파탄된 상태에 있다고 판단합니다. 현재 즈엥 투이 짱 씨는 베트남에 거주하고 있고 송민규 씨는 대한민국에 거주하고 있어 혼인의 목적 또한 달성되지 못하였습니다.

따라서 즈엥 투이 짱 씨의 이혼 청구를 받아들여 즈엥 투이 짱 씨와 송민규 씨의 이혼을 허가하는 것은 혼인 및 가족법 제 51 조, 제 53 조 및 제 56 조의 규정과 재판에서 진술한 검사의 의견에 부합하므로, 이를 받아들이는 것이 타당합니다.

[5]. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. 공동 자녀에 관하여: 공동 자녀가 없으므로 재판부는 이에 대하여 별도로 판단하지 않습니다.

[6]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. 공동재산 및 공동채무에 관하여: 당사자들이 공동재산 및 공동채무에 대하여 법원에 해결을 요청하지 않았으므로, 재판부는 이에 대하여 별도로 판단하지 않습니다.

[7]. Về án phí: Chị Dương Thuỳ Trang phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

[7]. 소송비용에 관하여: 원고인 즈영 투이 쩡(Dương Thuỳ Trang) 씨는 민사소송법 제 147 조 제 4 항 및 국회 상임위원회가 2016 년 12 월 30 일 제정한 법원 소송비용 및 수수료에 관한 결의 제 326/2016/UBTVQH 의 제 24 조 제 1 항 제 a 호 및 제 27 조 제 5 항 제 a 호의 규정에 따라 제 1 심 이혼소송 비용 300,000 동을 부담하여야 합니다.

[8]. Về lệ phí Tòa án: Chị Dương Thuỳ Trang là nguyên đơn phải chịu 200.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều 153 của Bộ Luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 37, danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8]. 법원 수수료에 관하여: 원고인 즈영 투이 쩡(Dương Thuỳ Trang) 씨는 민사소송법 제 153 조 제 3 항 및 국회 상임위원회가 2016 년 12 월 30 일 제정한 법원 소송비용 및 수수료에 관한 결의 제 326/2016/UBTVQH 의 제 37 조 제 2 항 및 법원 소송비용·수수료 목록에 따라 해외 사법공조 비용 200,000 동을 부담하여야 합니다.

[9] Quyền kháng cáo: [9]항소권에 관하여

[9.1] Chị Dương Thuỳ Trang có mặt tại phiên tòa, hiện đang ở Việt Nam nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. [9.1] 원고인 즈영 투이 쩡(Dương Thuỳ Trang) 씨는 재판에 출석하였으며 현재 베트남에 거주하고 있으므로, 민사소송법 제 271 조 및 제 273 조의 규정에 따라 판결 선고일로부터 15 일 이내에 해당 판결에 대하여 항소할 권리가 있습니다.

[9.2] Anh Song Mingue vắng mặt tại phiên tòa nhưng hiện đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9.2] 피고인 송민규 (Song Mingue) 씨는 재판에 불출석하였으나 현재 외국에 거주하고 있으므로, 민사소송법 제 271 조, 제 273 조 및 제 479 조 제 2 항의 규정에 따라 판결문을 적법하게 송달받은 날 또는 법률이 정한

절차에 따라 판결문이 공시된 날로부터 1 개월 이내에 해당 판결에 대하여 항소할 권리가 있습니다.

Vì các lẽ trên; 위와 같은 이유로:

QUYẾT ĐỊNH:

판단을 내리다

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 154; Điều 271; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 5 và điểm c khoản 6 Điều 477; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thuỳ Trang.

민사소송법 및 혼인·가족법의 관련 규정에 근거하여 다음과 같이 판결합니다.

혼인 및 가족법 제 51 조 제 1 항, 제 53 조 제 1 항, 제 56 조 제 1 항, 제 123 조; 민사소송법 제 28 조 제 1 항, 제 35 조, 제 147 조 제 4 항, 제 153 조 제 3 항, 제 154 조, 제 271 조, 제 273 조, 제 469 조 제 1 항 제 d 호, 제 477 조 제 5 항 제 b 호 및 제 6 항 제 c 호, 제 479 조 제 1 항 및 제 2 항; 그리고 국회 상임위원회가 2016 년 12 월 30 일 제정한 법원 소송비용 및 수수료의 징수, 면제, 감면, 납부, 관라 및 사용에 관한 결의 제 326/2016/UBTVQH14 호 제 27 조 제 5 항 제 a 호에 근거하여, 원고인 즈엉 투이 쩡(Dương Thuỳ Trang) 씨의 소송상 청구를 받아들입니다.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Dương Thuỳ Trang được ly hôn anh Song Mingue1.

혼인관계에 관하여: 원고인 즈엉 투이 쩡(Dương Thuỳ Trang) 씨와 피고인 송민규(Song Mingue) 씨의 이혼을 허가합니다

Về án phí: Chị Dương Thuỳ Trang phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000375 ngày 22/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Dương Thuỳ Trang đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

소송비용에 관하여: 원고인 즈엉 투이 쩡(Dương Thuỳ Trang) 씨는 300,000 동(삼십만 동)의 제 1 심 민사소송 비용을 부담하여야 합니다. 다만, 박닌성 민사집행기관이 2025 년 8 월 22 일 발행한 법원 소송비용 및 수수료

1. 2 - Bắc N

예납금 영수증 제 0000375 호에 따라 이미 납부한 300,000 동(삼십만 동)의 소송비용 예납금에서 공제합니다.

따라서 즈엥 투이 짱 씨가 제 1 심 민사소송 비용을 전액 납부하였음을 확인합니다

Về lệ phí Tòa án: Chị Dương Thuỳ Trang phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng chẵn*) (lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được trừ vào số tiền 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng chẵn*) đã nộp tại biên lai số 0004302 ngày 04/12/2025 Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Dương Thuỳ Trang đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. 법원 수수료에 관하여: 원고인 즈엥 투이 짱(Dương Thuỳ Trang) 씨는 200,000 동(이십만 동)의 법원 수수료(해외 사법공조 수수료)를 부담하여야 합니다. 다만, 박닌성 민사집행기관이 2025 년 12 월 4 일 발행한 영수증 제 0004302 호에 따라 이미 납부한 200,000 동(이십만 동)에서 공제합니다.

따라서 즈엥 투이 짱 씨가 제 1 심 법원 수수료를 전액 납부하였음을 확인합니다.

4. Về quyền kháng cáo: 항소권에 관하여:

Chị Dương Thuỳ Trang có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. 원고인 즈엥 투이 짱(Dương Thuỳ Trang) 씨는 판결 선고일로부터 15 일 이내에 본 판결에 대하여 항소할 권리가 있습니다.

Anh Song Mingue có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. 피고인 송민규(Song Mingue) 씨는 판결문을 적법하게 송달받은 날 또는 법률이 정한 절차에 따라 판결문이 공시된 날로부터 1 개월 이내에 본 판결에 대하여 항소할 권리가 있습니다.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

수신처:

박닌성 인민법원
박닌성 인민검찰원
박닌성 제 2 지역 인민검찰원
박닌성 민사집행기관
사건 당사자들
사건 기록 보관

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

재판부를 대표하여

판사 - 재판장

Đỗ Thị Tuyết